

Bản án số: 250/2021/HS-PT

Ngày: 18-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Viết Hùng

2. Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 250/2021/HSPT ngày 18 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Đặng Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2021/HS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Văn Đ; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983 tại tỉnh Bạc Liêu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: B14/282A ấp 2, xã N1, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Đặng Văn B1 và con bà Đào Thị B2; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và có 02 người con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đoàn bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1979;

Chị Mai Thị S, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: 37 Đường A, phường A1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Anh T, chị S vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH dịch vụ đòi nợ N, địa chỉ: Số 1 Đường M1, Phường M2, Quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty N vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty luật hợp danh V1 (Luật sư có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2019, Đặng Văn Đ nói chuyện với một người tên P2 (chưa rõ lai lịch) về việc có nhu cầu vay tiền để kinh doanh nhưng không vay được thì P2 gợi ý cho Đ làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để thế chấp vay tiền thì Đ đồng ý.

Ngày 14/5/2019, Đ đưa cho P2 bản photo (không có chứng thực) gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CMXXX mang tên L1 tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: ấp 2, xã D, huyện D1, tỉnh Long An và Giấy chứng minh nhân dân của Đ cùng với số tiền 10.000.000 đồng để nhờ P2 làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên, đứng tên Đặng Văn Đ.

Đến trưa ngày 17/5/2019, P2 mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BXYYYY được làm giả giao cho Đ. Sau đó, Đ nhờ ông X tìm người nhận thế chấp giấy tờ trên để vay tiền thì ông X giới thiệu Đ cho con gái là Mai Thị S, con rể Trần Thanh T. Vào chiều ngày 17/5/2019, Đ dẫn ông X, anh T đi xem đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp 2, xã D, huyện D1, tỉnh Long An và Đ đưa cho anh T xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BXYYYY đứng tên Đặng Văn Đ thì anh T đồng ý nhận thế chấp Giấy chứng nhận số BXYYYY và cho Đ vay tiền.

Vào ngày 18/5/2019, Đ nhận số tiền 150.000.000 đồng từ anh T, chị S, đồng thời hai bên làm hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không đề ngày, vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/ tháng.

Đến ngày 25/5/2019, Đ tiếp tục liên lạc với anh T hỏi vay gấp số tiền 50.000.000 đồng với thời hạn 01 tháng thì sẽ trả gốc lẫn lãi là 55.000.000 đồng. Đối với lần vay 50.000.000 đồng này thì Đ có nói với anh T rằng anh đang nhận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Đ còn có nhà xưởng đang hoạt động để anh T yên tâm cho Đ vay tiền. Tuy vậy, đến ngày 28/6/2019, Đ chưa trả được số tiền 50.000.000 đồng đã vay lần hai, nên anh T, chị S đến xưởng của Đ

làm lại hợp đồng thế chấp mới, đề ngày 18/5/2019 với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/ tháng.

Sau đó, chị S đến liên hệ tại Văn phòng công chứng tại huyện D1, tỉnh Long An thì được biết không có giao dịch mua bán đất nào tên Đặng Văn Đ, do đó ngày 20/3/2020, chị S làm đơn tố cáo Đặng Văn Đ gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Tân để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 878/KLGD-TT ngày 06/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Hình dấu tròn có nội dung “ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM – TỈNH LONG AN – SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG ” trên “ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ” số BXYYY, tên ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1983, CMND số A, đề ngày 29/3/2018 được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

2. Chữ ký mang tên E trên “ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ” số BXYYY, tên ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1983, CMND số A, đề ngày 29/3/2018 so với chữ ký E trên các tài liệu dùng làm mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà Đ đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay của vợ chồng anh Trần Thanh T: Vào ngày 05/8/2019, anh T có ký hợp đồng thu hồi nợ với công ty TNHH Dịch vụ đòi nợ N ủy quyền cho Công ty N thu hồi số nợ 200.000.000 đồng của Đ. Ngày 09/8/2019, Đ đã trả trực tiếp 100.000.000 đồng cho anh T. Vào khoảng ngày 10/8/2019, Đ trả cho Công ty N số tiền 20.000.000 đồng (không làm giấy trả tiền). Vào các ngày 18/9/2019, 27/9/2019 và 19/10/2019, ông H (chủ xưởng nơi Đ làm việc) thay mặt Đ trả cho Công ty N tổng số tiền 55.000.000 đồng (có lập biên bản trả tiền). Đến khoảng tháng 08/2020, Đ tiếp tục trả cho anh T 02 lần tổng cộng số tiền 25.000.000 đồng.

Ngày 12/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định khởi tố vụ án; đến ngày 12/10/2020 có Quyết định khởi tố bị can đối với Đặng Văn Đ về 02 tội là “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Như vậy, trước ngày Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, Đặng Văn Đ đã trả cho anh T, chị S tổng số tiền 175.000.000 đồng (trong đó có 20.000.000 đồng trả cho công ty N không làm biên bản nhận tiền) và trước ngày khởi tố bị can (ngày 12/10/2020) Đ đã trả thêm số tiền 25.000.000 đồng cho phía bị hại.

Ngày 22/01/2001, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Cáo trạng số: 37/CT-Viện kiểm sát nhân dân truy tố Đặng Văn Đ về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 10/5/2021, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử và tuyên án đối với bị cáo Đặng Văn Đ theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2021/HS-ST ngày 10/5/2021. Theo đó đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Đ phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội danh là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 19/11/2020.

Căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các điều 584, 585, 590 và 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đặng Văn Đ có trách nhiệm trả cho anh Trần Thanh T và chị Mai Thị S số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 17/5/2021 bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích hành vi của bị cáo theo nội dung của bản án sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đặng Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 174 và Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của bị cáo Đ: bị cáo đã có hành vi gian dối để vay tiền của bị hại rồi chiếm đoạt, nhưng trước khi bị khởi tố vụ án thì bị cáo đã trả cho bị hại số tiền 125.000.000 đồng, và trước khi khởi tố bị can thì bị cáo đã trả thêm cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng, số tiền này đã diễn ra trước khi hết thời hạn vay (ngày 18/11/2019). Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo bị cáo vay của vợ chồng anh T vào ngày 25/5/2019 là số tiền vay tín chấp chứ không phải là vay tiền có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên bị cáo Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với số tiền chiếm đoạt là 150.000.000 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c

khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên có căn cứ xác định bị cáo Đ phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015; tuyên phạt bị cáo Đ mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, và tổng hợp hình phạt về hai tội này theo quy định.

- Luật sư V bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Đ thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Luật sư V cho rằng khoản tiền 150.000.000 đồng mà Đ vay của bị hại là khoản vay có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, có lãi suất vay là 05%, còn khoản vay 50.000.000 đồng mà Đ vay của anh T vào ngày 25/5/2019 thì chỉ là vay tín chấp, không có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và lãi suất là 10%, số tiền 50.000.000 đồng này thì bị cáo đã trả xong cho anh T, không có dấu hiệu phạm tội. Do đó, bị cáo Đ chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 và phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo và bị hại xác nhận đã thỏa thuận xong về việc bồi thường, đồng thời gia đình bị cáo thuộc trường hợp gia đình có công với Cách mạng, mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 14/5/2019, Đặng Văn Đ có nhu cầu vay vốn nhưng không vay được tiền nên đã thuê đối tượng tên P2 (chưa rõ lai lịch) làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BXYYY, tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: ấp 2, xã D, huyện D1, tỉnh Long An, đứng tên Đặng Văn Đ với giá là 10.000.000 đồng. Sau khi có Giấy chứng nhận giả thì vào chiều ngày 17/5/2019, Đ mang Giấy chứng nhận giả thế chấp vay tiền của vợ chồng anh Trần Thanh T, chị Mai Thị S với số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/ tháng và đến ngày 25/5/2019, Đ tiếp tục vay của vợ chồng anh Trần Thanh T, chị Mai Thị S với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/ tháng. Tuy vậy, đến ngày 28/6/2019, vợ chồng anh T, chị S và Đ làm lại hợp đồng thế chấp mới, đề ngày 18/5/2019 với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/ tháng.

Theo Kết luận giám định số 878/KLGD-TT ngày 06/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

BXYYY, tên ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1983, CMND số A, đề ngày 29/3/2018 được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo Đặng Văn Đ phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Ngày 10/5/2021 Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 17/5/2021 bị cáo có đơn kháng cáo. Xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo Đ làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

Ngoài việc xét nội dung kháng cáo của bị cáo thì Hội đồng xét xử phúc thẩm còn xem xét các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Đặng Văn Đ đã có hành vi thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, rồi bị cáo thể chấp Giấy chứng nhận giả này để vay tiền và chiếm đoạt 02 lần của bị hại với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các Cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về việc cấp các giấy tờ về nhà đất, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nên bị cáo phạm 02 tội là “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo phạm tội hai lần là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng bản thân bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Và các tình tiết giảm nhẹ này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng và tuyên phạt bị cáo mức án 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị hại là ông Trần Thanh T có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời phía bị hại cũng xác nhận đã thỏa thuận xong việc bồi thường thiệt hại có liên quan. Ngoài ra, gia đình bị cáo thuộc trường hợp gia đình có công với Cách Mạng (cha bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, ông ngoại bị cáo là Liệt sĩ và bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam Anh hùng) nên cần cho bị cáo hưởng thêm các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với việc tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại (bồi thường số tiền 175.000.000 đồng trước ngày khởi tố vụ án và bồi thường số tiền 25.000.000 đồng trước ngày khởi tố bị can) thì bị cáo được hưởng trọn vẹn tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, ngoài ra còn có cơ sở để nhấn mạnh rằng bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thái độ ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như đã phân tích ở trên thì bị cáo Đặng Văn Đ có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (tình tiết này áp dụng đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) và có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 như đã nêu trên, trong đó đặc biệt bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Với hành vi phạm tội làm giả giấy tờ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, số tiền chiếm đoạt bị cáo đã tự nguyện khắc phục và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, xét thấy cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo. Đối với tình tiết tăng nặng như đã nêu trên, mặc dù cấp sơ thẩm không áp dụng và không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này, tuy vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn áp dụng tình tiết tăng nặng này nhằm bổ sung áp dụng pháp luật trong việc xét xử đối với bị cáo, nhưng vẫn không làm bất lợi về hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo đã sử dụng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả để vay tiền của vợ chồng anh T 150.000.000 đồng vào ngày 17/5/2019 nên bị cáo đã phạm 02 tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy vậy, đối với khoản tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo Đ vay của vợ chồng anh T vào ngày 25/5/2019 là số tiền vay tín chấp chứ không phải là tiền vay có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên bị cáo chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 và từ đó xác định bị cáo Đ phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy lời trình bày nêu trên của Kiểm sát viên và Luật sư là không có căn cứ, bởi lẽ: Lần vay tiền thứ nhất vào ngày 17/5/2019, bị cáo Đ thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay số tiền 150.000.000 đồng của vợ chồng anh T. Đến ngày 25/5/2019, bị cáo Đ vay lần thứ hai với lý do cần tiền nên vay gấp trong vòng 01 tháng và khi vay chính bị cáo Đ đã nói với anh T rằng anh T đang nhận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy giả) và bị cáo Đ còn có nhà xưởng đang hoạt động để anh T yên tâm cho bị cáo vay thêm 50.000.000 đồng. Như vậy, hai bên đã căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà bị cáo Đ đã thế chấp trước

đó cho vợ chồng anh T để vay thêm khoản tiền thứ hai, được thể hiện qua Bản Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đề ngày 18/5/2019, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BXYYY (giấy giả), số tiền vay là 200.000.000 đồng. Điều này cũng là phù hợp với lời tường trình của anh Tuyến vào ngày 05/8/2020 (Bút lục 183), cụ thể là: “ngày 25/5/2019 anh Đ tiếp tục gọi điện thoại cho tôi nói cần gấp số tiền 50.000.000 đồng, trong 01 tháng sẽ trả gốc và lãi là 55.000.000 đồng, thế chấp chung với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và cũng phù hợp với lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, đó là: khi vay thêm 50.000.000 đồng, bị cáo có nói với anh T là “anh có cầm sổ đỏ của tôi, tôi cũng có nhà xưởng...” (Bút lục 255). Ngoài ra, cũng cần nhấn mạnh rằng ngày vay tiền lần thứ hai là ngày 25/5/2019, tuy vậy trên hợp đồng lại ghi là ngày 18/5/2019, nhưng ngày 18/5/2019 vẫn là sau thời điểm bị cáo thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị hại, nên việc ghi lùi ngày trên hợp đồng thế chấp không làm thay đổi bản chất của việc vay tiền và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Do đó hoàn toàn không có cơ sở chấp nhận lời trình bày nêu trên của Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị hại là ông Trần Thanh T có làm đơn bãi nại và xác nhận đã thỏa thuận xong việc bồi thường thiệt hại có liên quan, nên ghi nhận bị cáo đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường cho phía bị hại.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 590 và 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn Đ và sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt: **Đặng Văn Đ** 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 19/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Đặng Văn Đ đã bồi thường xong số tiền thiệt hại cho phía bị hại.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Bình Tân; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (2)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Luật sư; (1)
- Trại giam; (1)
- THA quận Bình Tân; (2)
- TAND quận Bình Tân (2)
- Công an quận Bình Tân; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (24) (4)

Ngô Ngọc Thắng